

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 06 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Tấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Quách Thanh Trung**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhuận**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Trần Quốc V**, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V sống chung từ năm 1998, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 09 năm 2003. Ly thân gần 09 năm nay, lý do: Vợ chồng sống chung thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông V không lo làm ăn và cũng không quan tâm đến vợ con thậm chí ông V còn nhiều lần đánh. Từ đó,

ông V bỏ nhà đi làm và thường xuyên vắng nhà, ít tới lui gia đình, bà L nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông V nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

+ Việc nuôi con: Bà L và ông V có một người con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 12 tháng 06 năm 1999. Hiện cháu T đã thành niên và có cuộc sống riêng nên bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản: Bà L và ông V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Quốc V trình bày: Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không có mặt nên không thể lấy lời khai.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, riêng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L xin ly hôn với ông Trần Quốc V.

+ Về quan hệ con: Con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết

+ Chia tài sản: Không có nên không đặt ra để xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trần Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2]. Quan hệ hôn nhân:**

Do Trần Quốc V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của bà L để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của bà L đã chứng minh được, bà L và ông V ly thân từ 09 năm nay, với các lý do bà L đã đưa ra. Ngoài ra, ông V không đến Tòa án để hòa giải, điều đó đã thể hiện ý chí của ông V không có thiện chí hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân, còn bà L thì cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là căn

cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà L được ly hôn với ông V.

[3]. **Việc nuôi con:** Con của bà L và ông V đã thành niên và có cuộc sống riêng và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. **Chia tài sản:** Bà L xác định không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012791 ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Quốc V không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1. Quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Quốc V.

**2. Việc nuôi con:** Con của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Quốc V đã thành niên và có cuộc sống riêng và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**3. Chia tài sản:** Bà Nguyễn Thị L xác định không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012791 ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Quốc V không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Minh Tấn**